

Số: 1939/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Nhà máy sản xuất ván ghép thanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu tại Báo cáo kết quả thẩm định số 5581/STNMT-ĐTM ngày 17/11/2021; xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 29/Cty-TL ngày 20/11/2021 của Công ty TNHH lâm sản Trường Lũy và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5850/TTr-STNMT ngày 02/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH lâm sản Trường Lũy (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại thôn nước Lang, xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá

tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ; Chủ tịch UBND xã Ba Dinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak796.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**“Nhà máy sản xuất ván ghép thanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu”***(Kèm theo Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)***1. Thông tin về Dự án:**

a) Chủ dự án: Công ty TNHH Lâm sản Trường Lũy

b) Địa điểm, quy mô của Dự án:

b1) Địa điểm: Thôn nước Lang, xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

b2) Công suất và quy mô của dự án:

- Công suất thiết kế của dự án là 10.000 m³/năm- Quy mô: tổng diện tích 15710 m².

- Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Hạng mục xây dựng	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đất làm xưởng sản xuất	m ²	8740	55,67
2	Đất làm công trình phụ trợ	m ²	189,6	1,21
3	Đất giao thông, bãi chứa nguyên vật liệu	m ²	4251,27	27,08
4	Đất cây xanh	m ²	2519,13	16,05
Tổng cộng			15710	100

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
1	Giai đoạn chuẩn bị	
1.1	San nền	- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, phương tiện giao thông; bụi phát sinh từ quá trình san nền. - Sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển đất sa gát.
2	Giai đoạn thi công xây dựng	
2.1	Vận chuyển nguyên liệu xây dựng và thiết bị máy móc	- Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông. - Sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
2.2	Thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại. - Sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công.
2.3	Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường	Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
3	Giai đoạn hoạt động	
3.1	Các công đoạn trong dây chuyền sản xuất (cưa, xẻ, lạng gỗ, băm nghiền gỗ...)	- Bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động sản xuất. - Nước rỉ dăm, gỗ; nước thải từ xử lý khí thải lò đốt.
3.2	Vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông.
3.3	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Nước thải sinh hoạt	20 công nhân với lưu lượng khoảng 2,0 m ³ /ngày.
1.2	Nước thải xây dựng	Nước từ quá trình vệ sinh máy móc.
1.3	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn qua khu vực Nhà máy ước tính khoảng 313 m ³ /ngày đêm. Cuốn theo các tạp chất trên bề mặt thi công dự án.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Nước thải sinh hoạt	Khoảng 45 cán bộ công nhân viên phát sinh với lưu lượng khoảng 34,5 m ³ /ngày đêm.
2.2	Nước thải sản xuất	Tổng lượng nước thải phát sinh tại khu vực nhà máy là 05 m ³ /lần.
2.3	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn qua khu vực Nhà máy ước tính khoảng 313 m ³ /ngày đêm. Cuốn theo các tạp chất trên bề mặt thi công dự án.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn chuẩn bị	
1.1	Hoạt động của máy móc, phương tiện giao thông từ quá trình vận chuyển và san nền	Bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động giao thông; hoạt động của máy móc.
2	Giai đoạn xây dựng dự án	
2.1	Vận chuyển nguyên liệu, máy móc thiết bị	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông
2.2	Thi công xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị	Bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động xây dựng, hoạt động hàn cắt sắt thép

3	Giai đoạn hoạt động	
3.1	Hoạt động sản xuất	- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất gỗ thanh chỉ tiết, ván lạng. - Bụi, khí thải từ lò đốt: Thành phần của khí thải lò đốt bao gồm các sản phẩm cháy của củi như các khí CO₂, CO kèm theo một ít các tạp chất trong củi không cháy hoàn toàn, oxy dư và tro bụi bay theo dòng khí. - Tiếng ồn từ hoạt động cưa, xẻ và băm nghiền gỗ.
3.2	Vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm	Quá trình vận chuyển làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Chất thải rắn xây dựng	Phát sinh như gạch vụn, bê tông vón cục, sắt thép vụn, bao xi măng, các loại thiết bị, xà bần,... Khối lượng 10,5212 – 21,0424 tấn.
1.2	Chất thải rắn sinh hoạt	20 công nhân phát sinh khoảng 06 kg/ngày
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Chất thải rắn sản xuất thông thường	- Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động chế biến sản xuất chủ yếu là vỏ cây, dăm gỗ, gỗ vụn, mùn cưa. - Đinh, vít, sắt vụn, lưỡi cưa hỏng... từ quá trình bảo dưỡng các thiết bị, máy móc. Khối lượng chất thải phát sinh không nhiều và không thường xuyên.
2.2	Chất thải rắn sinh hoạt	45 người phát sinh khoảng 20,5kg/ngày

e) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị xây dựng	Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu,...với khối lượng khoảng 2 kg/tháng.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất	Giẻ lau nhiễm bẩn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, dầu nhớt thải...với khối lượng khoảng 3 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
1	Giai đoạn xây dựng dự án		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng nhà vệ sinh sử dụng cho giai đoạn thi công xây dựng và hoạt động của nhà máy	Hệ thống thoát nước chung khu vực
1.2	Nước mưa chảy tràn	Quy định khu vực vệ sinh, súc rửa máy móc thiết bị; Tạo các rãnh nhỏ và thoát ra cống thoát nước khu vực	Hệ thống thoát nước chung khu vực
2	Giai đoạn hoạt động		
2.1	Nước thải sinh hoạt	- Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn. - Đối với nước thải nhà ăn: thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý trước khi thải ra môi trường.	Hệ thống thoát nước chung khu vực
2.2	Nước thải sản xuất	Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt củi cấp nhiệt cho lò sấy. Tổng lượng nước thải sản xuất khoảng 5m ³ /lần. Lượng nước này được thu gom dẫn về hệ thống lắng lọc nhiều ngăn dưới tháp lọc ướn, định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng đến rút cặn xử lý với tần suất 1 lần/tháng hoặc khi dung dịch đạt trạng thái bão hòa.	Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và mang đi xử lý
2.3	Nước mưa chảy tràn	Đối với nước mưa chảy tràn ngoài khu vực bãi chứa gỗ: được thu gom về hệ thống thoát nước mưa của nhà máy và thoát về mương thoát nước của CCN. Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa gỗ, dầm gỗ: thu gom, tách và có biện pháp xử lý cụ thể như sau: - Xây dựng gờ chắn cao từ 3 – 5cm để hạn chế nước mưa chảy từ khu vực xung quanh vào bãi chứa gỗ băm nghiền; - Nước rỉ từ bãi chứa gỗ băm nghiền được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý gồm các bể lắng lọc bằng vật liệu cát, sỏi, than trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của CCN.	Hệ thống thoát nước chung khu vực

b) Về xử lý bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn chuẩn bị	
1.1	Bụi, khí thải	- Phun nước giảm bụi tại khu vực dự án; - Thực hiện phủ bạt, che kín thùng xe; - Tưới nước đoạn đường vận chuyển gần khu vực dự án; Trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân tại công trường.
2	Giai đoạn xây dựng dự án	
2.1	Vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình.	Che chắn những khu vực phát sinh nhiều bụi, ngăn ngừa phát sinh bụi tại các bãi tập kết vật liệu xây dựng. Các phương tiện vận chuyển phải phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Tưới nước giảm bụi tại khu vực thực hiện dự án.
3	Giai đoạn hoạt động	
3.1	Bụi gỗ từ quá trình cưa, xẻ gỗ	Gỗ cưa xẻ là gỗ tươi nên lượng bụi phát sinh không đáng kể, chủ yếu là mùn cưa. Bên dưới máy cưa bố trí hệ thống băng tải thu gom toàn bộ mùn cưa bán cho các đơn vị thu mua làm chất đốt
3.2	Bụi, khói thải lò đốt cấp nhiệt	Khói thải từ lò đốt cấp nhiệt được dẫn về thiết bị cyclon để loại bỏ bụi có kích thước lớn. Sau đó, dòng khói thải được dẫn qua tháp lọc ướt để hấp thụ khí thải và các hạt bụi có kích thước nhỏ. Sau cùng dòng khói thải được dẫn qua ống khói và thoát ra môi trường.
3.3	Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển	- Phủ bạt, che kín thùng xe; Bê tông hóa sân nền trong khu vực nhà máy. - Tưới nước giảm bụi đoạn đường qua nhà dân gần khu vực dự án.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy tại công trường (loại 120 lít) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

1.2	Chất thải rắn xây dựng	- Chất thải rắn có khả năng tái chế: bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. - Chất thải khác (không tái chế, tái sử dụng) được hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy được bố trí trong khu vực Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
2.2	Chất thải rắn sản xuất	- Mùn cưa được thu gom bằng hệ thống băng tải và bán cho các đơn vị thu mua làm chất đốt; - Gỗ bìa, lõi gỗ; gỗ có kích thước nhỏ được thu gom và đưa về khu vực băm nghiền phế phẩm; một phần được sử dụng làm chất đốt cấp nhiệt cho lò sấy. - Toàn bộ lượng bùn cặn và tro xỉ được công nhân thu gom hằng ngày, lưu chứa tạm thời tại vị trí riêng, sau đó cho người dân thu gom để tận dụng bón cây.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu,...	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời tại khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy như: Giẻ lau nhiễm bẩn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, dầu nhớt thải...	- Công ty bố trí thùng chứa đặt tại các vị trí thích hợp trong nhà xưởng để thu gom riêng các loại chất thải nguy hại. - Hàng ngày bố trí công nhân thu gom về khu vực lưu trữ chất thải nguy hại. Kho lưu trữ CTNH được bố trí riêng biệt và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Tiếng ồn, độ rung	- Chờ đúng tải trọng cho phép; - Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công; Quy định tốc độ xe khi vận chuyển.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Tiếng ồn	- Thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị, kiểm tra độ mòn các chi tiết và thực hiện bảo dưỡng định kỳ. - Lắp đặt bộ chống ồn, rung cho các máy móc. - Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý. - Trang bị các đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tiếp xúc trực tiếp tại nguồn ồn. - Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy để giảm bớt sự lan truyền của tiếng ồn.

f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	An toàn lao động, phòng chống cháy nổ	- Lập hàng rào chắn, lập ban an toàn lao động tại công trường. - Trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết, các phương tiện PCCC. - Xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường.
1.2	An toàn giao thông	- Sắp xếp lịch vận chuyển hợp lý; - Vận chuyển đúng tải trọng, tuân thủ luật giao thông đường bộ.
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	An toàn lao động	- Đào tạo về an toàn lao động cho công nhân. - Xây dựng nội quy sử dụng an toàn hệ thống điện, nội quy sử dụng cho từng thiết bị cụ thể. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện. - Trang bị đồ dùng bảo hộ lao động.

2.2	An toàn giao thông	- Sử dụng các phương tiện vận chuyển còn đăng kiểm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. - Nghiêm chỉnh chấp hành các luật, quy định liên quan đến vấn đề giao thông. - Bố trí khu vực đỗ xe, chờ xe trong khuôn viên nhà máy. - Bố trí lịch vận chuyển hợp lý.
2.3	Phòng chống sự cố cháy nổ	- Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ; - Trang bị phương tiện PCCC và niêm yết nội quy PCCC. - Xây dựng bể chứa nước PCCC và lắp đặt hệ thống PCCC tại nhà máy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa;
- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn; Xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ dăm;
- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt;
- Xây dựng kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường:

Stt	Môi trường giám sát	Thông số, Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi và khí thải lò đốt	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ . Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).
2	Khu vực sản xuất	Bụi, SO ₂ , CO, NO ₂ , tiếng ồn, nhiệt độ. Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.
3	Nước thải sau bể lọc nước rỉ gỗ băm nghiền	pH, TSS, độ màu. Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN 40:2011/BTNMT

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến

khu vực xung quanh và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, môi trường không khí: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – QCVN 05:2013/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT;

a.2) Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác;

a.3) Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình hoạt động. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố theo đúng quy định của pháp luật;

a.4) Lập kế hoạch phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án và trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra;

a.5) Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật;

a.6) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

a.7) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát.

b) Chủ dự án chịu các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để Nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật;

b.2) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về

bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Dự án khi được yêu cầu;

b.3) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

b.4) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức;

b.5) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ./.